

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 9 – 2019

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Như Ý.

2/ Ông Trần Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:
Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh S.

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Kiều T trình bày:

Bà T với ông Trần Văn Đ kết hôn với nhau năm 2001 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 12 tháng 8 năm 2015). Sau khi kết hôn bà T và ông Đ về sống bên nhà cha mẹ đẻ của bà T. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc. Đến năm 2018, hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng. Hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2018. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đ.

Trong quá trình chung sống bà T và ông Đ có hai con chung tên 1/Trần Thanh N, sinh ngày 25/01/2005, đang sống cùng bà T; 2/Trần Trường D, sinh ngày 17/12/2013, đang sống cùng ông Đ tại tỉnh N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có .

Nay bà Lê Thị Kiều T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về Hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con Trần Thanh N. Còn Trần Trường D giao cho ông Đ trực tiếp nuôi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn Đ không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 142/TB-TLVA ngày 18 tháng 7 năm 2019, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần Văn Đ nhưng anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt ông Đ, không tiến hành hòa giải được và ông Đ cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kiều T ly hôn với ông Trần Văn Đ. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Trần Trường D cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Bà T và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị Kiều T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà Tiên có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông Đ thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà T và ông Đ.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều T vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Trần Văn Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kiều T với ông Trần Văn Đ là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ không quan tâm đến vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2018, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Trần Thanh N, sinh ngày 25/01/2005, đang sống cùng bà T và cháu Trần Trường D, sinh ngày 17/12/2013, đang sống cùng ông Đ. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu N và đồng ý giao cháu D cho ông Đ trực tiếp nuôi. Xét thấy bà T có đủ điều kiện nuôi con và cháu N có nguyện vọng sống cùng bà T nên yêu cầu này là có căn cứ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Tiên yêu cầu nên bà Tiên phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị Kiều T.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều T được quyền ly hôn với ông Trần Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thanh N, sinh ngày 25/01/2005 cho bà Lê Thị Kiều T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Trần Trường D, sinh ngày 17/12/2013, cho ông Trần Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Đ, bà T không phải cấp dưỡng cho con. Ông Đ, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp Ông Đ hoặc bà T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người kia thì người trực tiếp nuôi dưỡng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005797 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh S. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã L;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng